

Số: 138/BC-NH1

Nghĩa Hành, ngày 07 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III/2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT số 1 Nghĩa Hành báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III/2025 như sau:

I/ Về thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí:

- Tổng thu học phí quý 3 năm 2025 đạt 0 đồng, chiếm 0% dự toán thu của năm.
- Chi nguồn thu phí: 149,86 triệu đồng, chiếm 13,6% chi nguồn thu phí năm 2025.

II/ Về chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi NSNN Quý III/2025 đạt 4.315,457 triệu đồng, chiếm 23,0% dự toán năm được giao, giảm 7,7 % so với số thực hiện của cùng kì năm trước. Cụ thể:

- a) Chi kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 4.283,053 triệu đồng, chiếm 23,0% dự toán giao nhiệm vụ thường xuyên của năm.
- b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: 32,404 đồng, chiếm 19,4% dự toán năm được giao.

(Chi tiết tại Biểu số 03 đính kèm)

Chi Ngân sách nhà nước tại đơn vị trong Quý III/2025 được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, bám sát dự toán được giao, tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán.

Trên đây là nội dung công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý III/2025 của Trường THPT số 1 Nghĩa Hành.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ngãi (Phòng TC);
- Lãnh đạo đơn vị;
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Triều

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGHĨA HÀNH**

Chương: **422**

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 3	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	1,104,000,000	0	0.0%	0.0%
	Học phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1,104,000,000	149,867,000	13.6%	185.9%
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	1,104,000,000	149,867,000	13.6%	185.9%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 3	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18,747,000,000	4,315,457,657	23.0%	92.3%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18,580,000,000	4,283,053,269	23.1%	101.1%
	Tiền lương	8,901,360,000	2,271,110,397	25.5%	
	Phụ cấp lương	5,089,326,000	1,203,920,097	23.7%	
	Tiền thưởng	57,500,000		0.0%	
	Phúc lợi tập thể		3,677,630		
	Các khoản đóng góp	2,562,314,000	600,797,994	23.4%	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		38,680,200		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	104,640,000	18,549,159	17.7%	
	Vật tư văn phòng	153,435,400	32,623,248	21.3%	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	45,500,000	4,177,684	9.2%	
	Hội nghị	30,000,000	(2,700,000)	-9.0%	
	Công tác phí	97,000,000	70,363,800	72.5%	
	Chi phí thuê mướn	25,000,000	18,506,000	74.0%	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	195,000,000	6,800,000	3.5%	
	Mua sắm tài sản	544,000,000		0.0%	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	729,924,600	6,017,060	0.8%	
	Chi khác	45,000,000		0.0%	
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	0	10,530,000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	167,000,000	32,404,388	19.4%	7.4%
	KP thực hiện chính sách cho Gv theo ND 28/2012	87,000,000	32,404,388	37.2%	
	KP hỗ trợ theo ND 81/2021/ND-CP	80,000,000		0.0%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

3

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 3	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 07 tháng 10 năm 2025

Kế toán



Võ Thị Thuý Liễu

Thủ trưởng đơn vị



Lê Văn Triều

VH